TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 307/2019/HNGĐ-ST Ngày 01-11-2019 V/v ly hôn, con chung giữa anh D và chị H	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phượng;

Ông Nguyễn ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Mạc Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Ông Nguyễn Ngọc Tấn – Luật sư thuộc công ty Luật TNHH Ngọc Tấn và cộng sự; địa chỉ: Phòng 404, nguyên đơn I – tòa Handiresco, số 31 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng: Vợ chồng ông Nguyễn Hồng Lực, sinh năm 1950 và bà Phạm Thị Thục, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ dân phố số 14, thị trấn T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Luật sư Tấn có mặt; anh D, chị H, ông Lực, bà Thục vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06-6-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Mạc Thị H đăng ký kết hôn ngày 12-01-2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào miền Trung làm kinh tế. Từ năm 2012, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng đưa nhau về làm việc và sinh sống tại thị trấn T. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không thống nhất trong cuộc sống sinh hoạt cũng như cách thức làm kinh tế nên thường xuyên cãi chửi nhau, không khí gia đình căng thẳng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Khoảng tháng 8/2018, chị H đã bỏ đi làm ăn xa, để hai con ở nhà cho anh D chăm sóc. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ đó cho đến nay. Nay anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 22-4-2004 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 20-5-2012. Từ khi vợ chồng ly thân, cả hai con chung đều do anh D chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã đưa cháu Uyên về quê ngoại, cháu L ở với anh D. Nay cháu M có nguyện vọng ở với chị H, cháu L có nguyện vọng ở với anh D. Anh D nhất trí nhận nuôi cháu L và đề nghị giao cháu M cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Trong thời gian vợ chồng đi làm kinh tế, chị H có nói với anh D nhờ bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Hồng Lực và bà Phạm Thị Thục mua giúp hai thửa đất ở thị trấn T và tạm thời đứng tên ông bà Lực. Sau khi nộp đơn ly hôn, anh D có hỏi ông Lực, bà Thục về hai thửa đất này thì ông Lực, bà Thục trả lời chị H chỉ nói nhờ mua giúp chứ thực tế không đưa tiền. Do không có đủ căn cứ chứng minh về tài sản nên anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 21-7-2019, bị đơn chị Mạc Thị H có lời khai phù hợp với lời khai của anh D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh D làm đơn xin ly hôn, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị H công nhận vợ chồng có hai con chung như anh D đã trình bày. Khi ly hôn, chị H nhận nuôi cháu Nguyễn Thị M, đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thành L cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Trong thời gian đi làm kinh tế, vợ chồng nhiều lần gửi tiền nhờ bố mẹ đẻ anh D là ông Nguyễn Hồng Lực và bà Phạm Thị Thục mua đất, xây nhà. Vì vậy, vợ chồng có các tài sản chung sau: nhà mái bằng một tầng xây trên đất của ông Lực, bà Thục; hai thửa đất đều mang tên ông Lực, bà Thục. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án chia đôi khối tài sản chung vợ chồng, đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, chị H đã viết bản tự khai gửi Toà án trong đó thể hiện yêu cầu phân chia tài sản chung nhưng sau đó đi khỏi địa pH không để lại địa chỉ. Toà án đã tống đạt hợp lệ cho chị H bằng thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng sau: Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Như vậy, chị H đã biết hoặc có nghĩa vụ phải biết quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không nộp tạm ứng án phí chia tài sản theo thông báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị H và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, ông Nguyễn Hồng Lực và bà Phạm Thị Thục là bố mẹ đẻ anh D trình bày: Việc vợ chồng anh D, chị H ly hôn ông bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ông Lực, bà Thục không công nhận anh D, chị H có gửi tiền nhờ ông bà mua đất, xây nhà. Căn nhà hiện anh D đang ở nguyên là nhà cũ của bố mẹ đẻ ông Lực cho ông Lực; vợ chồng ông Lực, bà Thục cho phép anh D, chị H vạc lại áo, xây sửa lại để ở. Nay anh D, chị H ly hôn, anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản; về phần đất, ông Lực, bà Thục khẳng định không liên quan gì; phần công trình đã xây sửa, nếu anh D, chị H có yêu cầu thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ngược lại, nếu anh D, chị H có nhu cầu ở thì ông Lực, bà Thục vẫn nhất trí cho ở mà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, anh D, ông Lực, bà Thục đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt lần 2 không có lý do. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu mà chị H đã trình bày tại bản tự khai. Riêng về tài sản, do chị H chưa có điều kiện nộp tạm ứng án phí chia tài sản nên chị H không yêu cầu tòa án giải quyết. Khi nào có đủ điều kiện, chị H sẽ khởi kiện chia tài sản bằng vụ kiện khác.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Mạc Thị H được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt

không có lý do; anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh D là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn D và chị Mạc Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 12-01-2004. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không thống nhất trong cuộc sống sinh hoạt cũng như cách thức làm kinh tế nên thường xuyên cãi chửi nhau, không khí gia đình ngày càng căng thẳng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H đã bỏ đi làm ăn xa để hai con ở nhà cho anh D chăm sóc, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm kể từ khoảng tháng 8 năm 2018 đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D đối với chị Mạc Thị H, trên cơ sở xem xét lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Anh D, chị H có mâu thuẫn dẫn đến việc chị H bỏ đi làm ăn xa từ tháng 8/2018 để hai con ở nhà cho anh D chăm sóc là sự việc có thật. Trong thời gian sống ly thân, bản thân anh D, chị H đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Nay anh D, chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D, chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh D, chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Anh D, chị H có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 22-4-2004 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 20-5-2012. Hiện cháu Uyên do chị H, cháu L đang do anh D trực tiếp nuôi D; anh D, chị H đều có nguyện vọng nuôi con chung trên cơ sở tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Uyên có nguyện vọng ở với chị H, cháu L có nguyện vọng ở với anh D. Xét yêu cầu về việc nuôi con của anh D, chị H và nguyện vọng của cháu Uyên, cháu L đều tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Thị M cho chị H; giao cháu Nguyễn Thành L cho anh D nuôi D, chăm sóc đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, hai bên không phải cấp D tiền nuôi con cho nhau, được quyền đi lại thăm con là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, anh D không yêu cầu giải quyết về tài sản; chị H đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng nhưng không

nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo Thông báo của Tòa án nên yêu cầu chia tài sản chung của chị H không được Tòa án chấp nhận. Do đó, về tài sản, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn D phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Mạc Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 22-4-2004 cho chị Mạc Thị H và giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 20-5-2012 cho anh Nguyễn Văn D nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh D, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm con chung, không ai được cản trở việc anh D, chị H thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000487 ngày 01-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hòe